**TUẦN 4**

---\*\*\*---

***Thứ hai ngày 25 tháng 9 năm 2023***

**TIẾNG VIỆT**

**TIẾT 37+38: BÀI 16: gh**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức – Kĩ năng:**

- Nhận biết âm và chữ gh; đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có gh.

- Nhìn chữ, tìm đúng tiếng có g, gh.

- Nắm được quy tắc chính tả: **gh + e, ê, i / g + a, o, ô, ơ,...**

- Đọc đúng bài Tập đọc *Ghế.*

- Viết đúng các chữ *gh,* tiếng *ghế gỗ;* chữ số: *6, 7* (trên bảng con)

**2. Năng lực – Phẩm chất:**

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học và thực tế

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Máy tính, tivi

- Vở bài tập Tiếng Việt

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU:**

**Tiết 37**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **A. Hoạt động mở đầu:** (5’)  - GV kiểm tra đọc bài Tập đọc *Bể cá* (bài 15)  - GV nhận xét  **B. Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **1. Giới thiệu bài** (5’)  - GV viết lên bảng chữ **gh,** giới thiệu bài học về âm gờ và chữ **gh** (tạm gọi là *gờ kép* để phân biệt với chữ **g** là *gờ đơn).*  - GV chỉ chữ **gh,** phát âm: **gờ**  - GV lưu ý: Ở đây, âm **gờ** được ghi bằng chữ **gờ kép.**  **2. Chia sẻ và khám phá** (5’)(BT 1: Làm quen)  -GV chỉ hình ghế gỗ, hỏi: Đây là cái gì?  ? Trong từ **ghế gỗ,** tiếng nào có chữ gờ kép  - GV chỉ: **ghế.**  - GV ghi mô hình tiếng: ghế  - Yêu cầu HS lấy đồ dùng cài chữ gh  **3. Hoạt động luyện tập**  **3.1. Mở rộng vốn từ** (7’)(BT 2: Tiếng nào có chữ **g?** Tiếng nào có chữ **gh?)**  - GV chỉ từng chữ dưới hình.  - GV giải nghĩa từ: *gà gô* (loại chim rừng, cùng họ gà nhưng nhỏ hơn, đuôi ngắn, sống ở đồi cỏ gần rừng); *ghẹ* (gần giống cua biển, mai màu sáng, có vân hoa, càng dài).  - GV chỉ từng chữ, cả lớp nói: Tiếng **gà** có **“g** đơn”... Tiếng **ghi** có **“gh** kép”...  **3.2. Quy tắc chính tả** (8’)(BT 3: Ghi nhớ)  - **GV** giới thiệu quy tắc chính tả *g / gh,* giải thích: Cả 2 chữ **g** (gờ *đơn)* và **gh** (gờ *kép)* đều ghi âm **gờ.** Bảng này cho các em biết khi nào âm **gờ** viết là *gờ đơn* (g); khi nào âm **gờ** viết là *gờ kép* (gh).  - GV chỉ sơ đồ 1: Khi đứng trước các chữ **e, ê, i,** âm **gờ** viết là **gh** kép.  - GV chỉ sơ đ*ồ* 2: Khi đứng trước các chữ khác **(a, o, ô, ơ,...),** âm **gờ** viết là **g** đơn.  **3.3. Tập đọc** (5’)(BT 4)  a. GV chỉ hình, giới thiệu: Bài đọc có Hà, ba Hà, bà Hà và bé Lê (em trai Hà). Mỗi người trong nhà Hà ngồi một loại ghế khác nhau.  b. GV đọc mẫu; kết hợp chỉ từng hình giới thiệu các loại ghế: *ghế gỗ* (của Hà), *ghế da* (của ba Hà), *ghế đá (ở* bờ hồ). | - 2 HS đọc bài Tập đọc *Bể cá*  - Nhận xét  - HS theo dõi lắng nghe.  - HSđọc(cá nhân, cả lớp): **gờ.**  - HS: Ghế gỗ.  - HS: tiếng **ghế**  - HS phân tích: Tiếng **ghế** có âm **gờ** đứng trước, âm **ê** đứng sau, dấu sắc đặt trên **ê.** Âm **gờ** viết bằng chữ **gờ kép.**  - HS nhắc lại  - HS (cá nhân, tổ, cả lớp) nhìn mô hình, đánh vần và đọc tiếng: **gờ - ê - ghê - sắc - ghế / ghế; // gờ - ô - gô - ngã - gỗ / gỗ.**  -HS gắn lên bảng cài chữ **gh** mới học.  - HS đọc: *gà gô, ghi, gõ,...*  - HS làm bài trong VBT  - HS báo cáo kết quả: HS 1 nói các tiếng có g (gờ đơn): *gà gô, gõ, gỗ, gỡ cá.* HS 2 nói các tiếng có gh (gờ kép): *ghi, ghẹ.*  - HS (cá nhân, cả lớp): gờ - e - ghe - nặng - ghẹ / gờ - ê - ghê - sắc - ghế / gờ - i - ghi.  - HS (cá nhân, cả lớp): gờ - **a**- ga - huyền - gà / gờ - **o** - go - ngã - gõ / gờ - **ô -** gô ngã - gỗ / gờ - **ơ** - gơ - ngã - gỡ,...  - Cả lớp nhìn sơ đồ, nhắc lại quy tắc trên: **gh + e, ê, i / g + a, o, ô, ơ,...** |

**Tiết 38**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **3.3. Tập đọc** (10’)(BT 4)  c. Luyện đọc từ ngữ: **ghế gỗ, ghế da, ghế đá, bờ hồ.**  d. Luyện đọc câu  - GV: Bài có 4 tranh và 4 câu bên tranh  - (Đọc vỡ từng câu) GV chỉ chậm từng tiếng trong câu 1.  - (Đọc tiếp nối từng câu)  - Thi đọc đoạn, bài  - Gọi HS đọc 2 trang  g. Tìm hiểu bài đọc  ? Hà có ghế gì?  ? Ba Hà có ghế gì?  ? Bờ hồ có ghế gì?  ? Bà bế bé Lê ngồi ghế nào?  **3.4. Tập viết** (22’)(bảng con)  a. Cả lớp đọc trên bảng các chữ, tiếng, chữ số: **gh, ghế gỗ; 6, 7.**  b. GV vừa viết chữ mẫu trên bảng lớp vừa hướng dẫn  - Chữ **gh:** là chữ ghép từ hai chữ cái **g** và **h.** Viết chữ **g** trước (1 nét cong kín, 1 nét khuyết ngược), chữ **h** sau (1 nét khuyết xuôi, 1 nét móc hai đầu).  - Tiếng **ghế:** viết **gh** trước, **ê** sau, dấu sắc đặt trên **ê,** chú ý nối nét giữa **gh** và **ê.**  - Tiếng **gỗ:** viết chữ **g** trước, chữ **ô** sau, dấu ngã đặt trên **ô.**  - Số **6:** cao 4 li. Là kết hợp của 2 nét cơ bản: cong trái và cong kín.  - Số 7: cao 4 li. Gồm 3 nét: nét 1 thẳng ngang, nét 2 thẳng xiên, nét 3 thẳng ngang (ngắn) cắt giữa nét thẳng xiên.  - GV cùng Hs nhận xét  **3. Củng cố, dặn dò:** (3’)  -GV nhắc HS ghi nhớ quy tắc chính tả g / gh. | - HS đọc (cá nhân, cả lớp)  - Cả lớp đọc thầm; sau đó 1 HS đọc, cả lớp đọc. / Tiếp tục với câu 2, 3, 4.  - HS (cá nhân, từng cặp) luyện đọc tiếp nối từng câu.  - HS (Làm việc nhóm đôi) Từng cặp HS nhìn SGK, cùng luyện đọc.  - Các cặp, tổ thi đọc tiếp nối 2 đoạn (mỗi cặp, tổ đọc lời dưới 2 tranh).  - Các cặp, tổ thi đọc cả bài.  - 1 HS đọc cả bài.  - Cả lớp đọc đồng thanh.  \* Cả lớp đọc nội dung 2 trang của bài 16.  - Hà có ghế gồ  - Ba Hà có ghế da  - Bờ hồ có ghế đá  - Bà bế bé Lê ngồi ở ghế đá  - HS (Cả lớp) đọc trên bảng các chữ, tiếng, chữ số: **gh, ghế gỗ; 6, 7.**  - HS viết: **gh** (2 - 3 lần). Sau đó viết: **ghế gỗ** (2 lần); **6, 7** (2 lần). |

***Điều chỉnh sau bài dạy:***

….…………………………………………………………………………………

….…………………………………………………………………………………